

Phụ lục V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**

Số: 01../07../2024/BC-INV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây Dựng
- Địa chỉ trụ sở chính: 152/1A Nguyễn Văn Thương, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại: 028.38320678 Fax:028.38320679 Email: info@investco.com.vn
- Vốn điều lệ: 208.097.020.000 đồng
- Mã chứng khoán: ING
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 01A/06/2024/NQ-ĐHĐCĐ | 28/06/2024 | Thông qua các vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động năm 2023 của HĐQT- Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS- Kế hoạch kinh doanh năm 2024- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán- Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023- Danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét/kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty- Mức thù lao và thưởng của HĐQT và mức |

| | | | |
|---|----------------------|------------|--|
| | | | tiền lương, thù lao, thưởng của BKS năm 2024 - Báo cáo việc thay đổi ngành nghề công ty - Báo cáo việc hợp tác đầu tư kinh doanh các dự án KCN thành phần thuộc KCN Đức Hòa III tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Báo cáo kết quả thực hiện nhận vốn góp theo Hợp đồng về việc góp vốn hợp tác đầu tư thực hiện Dự án KDC Investco Green City – Khu chức năng số 7, Bình Hưng, Bình Chánh, TP.HCM |
| 2 | 01B/06/2024/NQ-ĐHĐCĐ | 28/06/2024 | Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty |

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|----------------------|---|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Chủ tịch HĐQT | 08/03/2021 | |
| 2 | Ông Phan Văn Danh | Thành viên HĐQT | 26/07/2023 | |
| 3 | Ông Lê Hoàng Ân | Thành viên HĐQT (không điều hành) | 03/11/2022 | |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | 09/09 | 100% | |
| 2 | Ông Phan Văn Danh | 09/09 | 100% | |
| 3 | Ông Lê Hoàng Ân | 09/09 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Giám sát các quyết định của TGD đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các Chiến lược, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Giám công tác tuyển dụng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty;
- Giám việc tuân thủ Điều lệ, quy định pháp luật của TGD;
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định;
- Giám sát các công tác khác mà TGD được HĐQT phân công, chỉ đạo.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có
5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| 1 | 01/03/2024/NQ- HĐQT | 08/03/2024 | Thông qua nội dung và ban hành quy chế công bố thông tin | 100% |
| 2 | 02/03/2024/QĐ- HĐQT | 11/03/2024 | Gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty | 100% |
| 3 | 03/03/2024/NQ- HĐQT | 12/03/2024 | Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua ngày ĐKCC để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ | 100% |
| 4 | 01/04/2024/NQ- HĐQT | 15/04/2024 | Duyệt chương trình và nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty | 100% |
| 5 | 01/05/2024/NQ- HĐQT | 02/05/2024 | Thông qua việc gia hạn và dời thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty | 100% |
| 6 | 02/05/2024/NQ- HĐQT | 03/05/2024 | Thông qua ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên | 100% |
| 7 | 03/05/2024/NQ- HĐQT | 20/05/2024 | Bổ nhiệm kế toán trưởng | 100% |
| 8 | 01/06/2024/NQ- HĐQT | 25/06/2024 | Duyệt nội dung tài liệu (bổ sung/cập nhật) phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty | 100% |
| 9 | 01/07/2024/NQ- HĐQT | 03/07/2024 | Thông qua việc chọn Đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty | 100% |

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-------------------------|--------------------------|--|---------------------|
| 1 | Bà Đỗ Thị Hồng | Trưởng Ban kiểm soát | 03/03/2021 | Cử nhân – Kế toán |
| 2 | Bà Nguyễn Trang Kim Yến | Thành viên Ban kiểm soát | 03/11/2022 | Cử nhân – Kế toán |
| 3 | Bà Mai Thị Diệu | Thành viên Ban kiểm soát | 03/11/2022 | Cử nhân – Kế toán |

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Bà Đỗ Thị Hồng | 1/1 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà Nguyễn Trang Kim Yến | 1/1 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Mai Thị Diệu | 1/1 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:
- Giám sát việc quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động Công ty của HĐQT, TGD;
 - Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT của HĐQT, TGD;
 - Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ Điều lệ, quy định pháp luật trong hoạt động của HĐQT, TGD;
 - Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - Giám sát, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, TGD;
 - Giám sát, rà soát, kiểm tra, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho công ty.
4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác:
- BKS, HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác có sự phối hợp chặt chẽ với nhau.
 - BKS nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, TGD trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu khi có yêu cầu.
5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------|---------------------|--|
| 1 | Ông Phan Văn Danh | 11/11/1981 | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ kỹ thuật | Bổ nhiệm: 03/04/2023 |

V. Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-----|--------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Liễu | 12/11/1978 | Đại học – Tài chính ngân hàng | Miễn nhiệm: 20/05/2024 |
| 2 | Bà Đinh Thị Phụng | 30/09/1983 | Đại học – Kế toán | Bổ nhiệm: 20/05/2024 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Những người quản lý khác, Người phụ trách quản trị công ty tự hoàn thiện và bổ sung các kiến thức về quản trị Công ty theo các thông lệ tốt nhất và tuân thủ các tiêu chí, quy định của pháp luật.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

44
ON
Ổ
JV
Â
NH

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|----------------------|--|----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---|---|------------|-----------------------------------|
| 1 | Nguyễn Tuấn Kiệt | | Chủ tịch HĐQT | | | 08/03/2021 | | | Người nội bộ |
| 2 | Phan Văn Danh | | Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT | | | 03/04/2023 | | | Người nội bộ |
| 3 | Lê Hoàng Ân | | Thành viên HĐQT | | | 03/11/2022 | | | Người nội bộ |
| 4 | Đỗ Thị Hồng | | Trưởng BKS | | | 03/03/2021 | | | Người nội bộ |
| 5 | Nguyễn Trang Kim Yên | | Thành viên BKS | | | 03/11/2022 | | | Người nội bộ |
| 6 | Mai Thị Diệu | | Thành viên BKS | | | 03/11/2022 | | | Người nội bộ |
| 7 | Nguyễn Thị Liễu | | Kế toán trưởng | | | 08/08/2022 | 20/05/2024 | Miễn nhiệm | Người nội bộ |
| 8 | Đinh Thị Phụng | | Kế toán trưởng | | | 20/05/2024 | | | Người nội bộ |
| 9 | Nguyễn Lê Thanh Liêm | | Người Phụ trách quản trị công ty | | | 24/08/2023 | | | Người nội bộ |

| | | | | | | | | |
|----|-----------------|--|--|--|--|--|------------|--|
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc | | | | | | 14/06/2024 | Cá nhân sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết |
|----|-----------------|--|--|--|--|--|------------|--|

Người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục mục 1 phần VIII của Báo cáo này.

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--|--|---------|
| 1 | Nguyễn Tuấn Kiệt | Chủ tịch HĐQT | | | | 01/07/2022/NQ-HĐQT ngày 25/07/2022 | - Cổ đông năm giữ cổ phần tại Công ty với số lượng: 4.883.913 cổ phần - Ông Nguyễn Tuấn Kiệt cho Công ty mượn số tiền tính đến 30/06/2024 là 38.702.555.904 đồng | |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ

pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|--|---------------------|--|---------|
| | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Bảo cáo 6 tháng)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Nguyễn Tuấn Kiệt | | Chủ tịch HĐQT | | | 4.883.913 | 23,47% | |

| | | | | | | | | | |
|------|----------------------|--|--|--|--|---|---|---|----------|
| 1.1 | Nguyễn Thị Tuyết | | | | | 0 | 0 | 0 | Vợ |
| 1.2 | Nguyễn Thị Dực | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ |
| 1.3 | Nguyễn Đức Thịnh | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 1.4 | Nguyễn Minh Khoa | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 1.5 | Nguyễn Văn Được | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh ruột |
| 1.6 | Nguyễn Thị Nga | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị ruột |
| 1.7 | Nguyễn Thị Tuyết | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị ruột |
| 1.8 | Nguyễn Thành Tâm | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh ruột |
| 1.9 | Nguyễn Thị Út | | | | | 0 | 0 | 0 | Em ruột |
| 1.10 | Nguyễn Thị Út Em | | | | | 0 | 0 | 0 | Em ruột |
| 1.11 | Huỳnh Thị Miêng | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 1.12 | Nguyễn Thị Sánh | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị dâu |
| 1.13 | Trần Ngọc Ân | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh rể |
| 1.14 | Đông Ngọc Long | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh rể |
| 1.15 | Huỳnh Thanh Tùng | | | | | 0 | 0 | 0 | Em rể |
| 1.16 | Bùi Thị Kim Tuyết | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị dâu |

| | Phan Văn Danh | | TGD – Thành viên HDQT | | | | | | |
|----------|--------------------------|--|--------------------------------------|--|--|---|---|---|----------|
| 2 | Phan Văn Danh | | | | | | | | |
| 2.1 | Phan Văn Nga | | | | | 0 | 0 | 0 | Cha |
| 2.2 | Lê Thị Mai Huyền | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ |
| 2.3 | Huyền Đăng Xích | | | | | 0 | 0 | 0 | Cha vợ |
| 2.4 | Đặng Thị Hoa | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 2.5 | Phan Văn Thanh | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh |
| 2.6 | Huyền Thị Huyền Trang | | | | | 0 | 0 | 0 | Vợ |
| 2.7 | Phan Thị Thùy Nhiên | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 2.8 | Phan Thị Ánh Dương | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 2.9 | Phan Minh Thành | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 3 | Lê Hoàng Ân | | | | | | | | |
| 3.1 | Lê Hoàng Thọ | | | | | 0 | 0 | 0 | Cha |
| 3.2 | Đặng Thị Chính | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ |
| 3.3 | Lê Hoàng Đức | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh ruột |
| 3.4 | Phạm Thị Minh Thanh | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị dâu |
| 4 | Đỗ Thị Hồng | | | | | | | | |
| 4.1 | Đỗ Văn Bộn | | | | | 0 | 0 | 0 | Cha |

| | | | | | | | | |
|----------|-----------------------------|--|--|----------------|--|---|---|-----------|
| 4.2 | Vũ Tiến Thành | | | | | 0 | 0 | Chồng |
| 4.3 | Đỗ Văn Bản | | | | | 0 | 0 | Anh trai |
| 4.4 | Đỗ Thị Hương | | | | | 0 | 0 | Em gái |
| 4.5 | Nguyễn Minh Khuê | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 4.6 | Vũ Ngọc Tuyên | | | | | 0 | 0 | Bố chồng |
| 4.7 | Đỗ Thị Chính | | | | | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 5 | Nguyễn Trang Kim Yến | | | Thành viên BKS | | 0 | 0 | |
| 5.1 | Nguyễn Văn Dữ | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 5.2 | Trang Kim Dung | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 5.3 | Nguyễn Thành Hưng | | | | | 0 | 0 | Anh ruột |
| 5.4 | Lê Đình Kiên | | | | | 0 | 0 | Chồng |
| 5.5 | Lê Đình Nguyên | | | | | 0 | 0 | Con |
| 5.6 | Lê Đình Chính | | | | | 0 | 0 | Cha chồng |
| 5.7 | Phạm Thị Sáu | | | | | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 6 | Mai Thị Diệu | | | Thành viên BKS | | 0 | 0 | |
| 6.1 | Mai Sỹ Huynh | | | | | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 6.2 | Nguyễn Thị Hữu | | | | | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 6.3 | Chu Đình Xuân | | | | | 0 | 0 | Bố chồng |
| 6.4 | Trịnh Thị Điền | | | | | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 6.5 | Chu Đình Xinh | | | | | 0 | 0 | Chồng |
| 6.6 | Chu Đình Việt Anh | | | | | 0 | 0 | Con đẻ |

| | | | | | | | | | |
|------|---|--|--|--|-------------------|---|---|---|----------------------------|
| 6.7 | Chu Đình Nguyên | | | | | 0 | 0 | 0 | Con đẻ |
| 6.8 | Mai Sỹ Hùng | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh trai |
| 6.9 | Nguyễn Thị Thu | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị dâu |
| 6.10 | Mai Thị Dung | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị gái |
| 6.11 | Lê Nguyễn Hồng | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.12 | Mai Sỹ Duân | | | | | 0 | 0 | 0 | Em trai |
| 6.13 | Công ty CP Thương mại Dịch vụ Xây dựng Đại Đông Tiến | | | | | 0 | 0 | 0 | Tổ chức liên quan (KTT) |
| 7 | Nguyễn Thị Liễu | | | | Kế toán trưởng | 0 | 0 | 0 | |
| 7.1 | Nguyễn Công Trình | | | | | 0 | 0 | 0 | Chồng |
| 7.2 | Nguyễn Công Khánh | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 7.3 | Nguyễn Ngọc Lâm | | | | | 0 | 0 | 0 | Con |
| 7.4 | Nguyễn Đức Tú | | | | | 0 | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 7.5 | Chữ Thị Gái | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 7.6 | Tạ Thị Hồi | | | | | 0 | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 7.7 | Nguyễn Văn Năng | | | | | 0 | 0 | 0 | Anh ruột |
| 7.8 | Vũ Thị Duyên | | | | | 0 | 0 | 0 | Chị dâu |
| 7.9 | Nguyễn Đức Thuận | | | | | 0 | 0 | 0 | Em ruột |

| | | | | | | | | | |
|------|-----------------------------|--|--|---|--|--|---|---|-------------------|
| 7.10 | Trần Thị Kim Phụng | | | | | | 0 | 0 | Em dâu |
| 8 | Đinh Thị Phụng | | | Kế toán trưởng | | | 0 | 0 | |
| 8.1 | Lê Minh Tư | | | | | | | | Chồng |
| 8.2 | Lê Minh Diệu Minh | | | | | | | | Con |
| 8.3 | Đinh Thế Loan | | | | | | | | Bố đẻ |
| 8.4 | Hoàng Thị Loan | | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 8.5 | Đinh Văn Kinh | | | | | | | | Em Trai |
| 8.6 | Đinh Văn Trọng | | | | | | | | Em Trai |
| 8.7 | Đỗ Diệu Linh | | | | | | | | Em Dâu |
| 8.8 | Nguyễn Thị Dung | | | | | | | | Em Dâu |
| 8.9 | Lê Ngọc Tánh | | | | | | | | Bố chồng (đã mất) |
| 8.10 | Bùi Thị Ngân | | | | | | | | Mẹ chồng (đã mất) |
| 9 | Nguyễn Lê Thanh Liêm | | | Người Phụ trách quản trị công ty | | | 0 | 0 | |
| 9.1 | Lê Thúy Hằng | | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 9.2 | Nguyễn Thanh Lịch | | | | | | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 9.3 | Lê Phương Trúc | | | | | | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 9.4 | Lê Mạnh Hùng | | | | | | 0 | 0 | Bố vợ |

| | | | | | | | | |
|------|--------------------------|--|--|--|--|---|---|----------|
| 9.5 | Trịnh Thị Thanh Huyền | | | | | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 9.6 | Nguyễn Lê Phương Hà | | | | | 0 | 0 | Chị ruột |
| 9.7 | Phan Thanh Tuấn | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 9.8 | Nguyễn Lê Trúc Phượng | | | | | 0 | 0 | Chị ruột |
| 9.9 | Trần Hữu Tín | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 9.10 | Nguyễn Lê Thanh Luân | | | | | 0 | 0 | Em ruột |
| 9.11 | Vũ Hải My | | | | | 0 | 0 | Em dâu |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| | | | | | | | |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Tuấn Kiệt